

雇主聘僱外國人申請書 (外國人代雇主申請，中越文版)

Đơn xin tuyển dụng lao động người nước ngoài

(người nước ngoài thay mặt chủ sử dụng lao động nộp đơn, phiên bản Trung Việt)

工作類別： Loại công việc A3 多元陪伴照顧服務工作 Công việc dịch vụ chăm sóc đồng hành đa dạng	申請項目：接續聘僱許可 Hạng mục xin: Giấy phép tiếp nhận tuyển dụng lao động ☐ 62 公立就業服務機構 組織 dịch vụ việc làm công lập ☐ 63 雙方合意 Hai bên đồng ý ☐ 63 三方合意 Ba bên đồng ý
---	--

請詳閱背面填表說明
Xin hãy đọc kỹ hướng dẫn điền đơn phía sau

外國人填寫欄位 ột điền thông tin người nước ngoài									
國籍 Quốc tịch 越南 Người Việt Nam	護照號碼 (填表說明注意事項二) Số hộ chiếu (xem tại mục chú ý 2)	外國人行動電話 (必填，填表說明注意事項三) Số điện thoại di động (Bắt buộc, xem mục chú ý 3)				外國人電子郵件 (請擇一勾選，填表說明注意事項三) e-mail (Hãy chọn một ô, xem mục chú ý 3)			
								☐ 有 Có: ☐ 無 Không	
本申請案回復方式： ☐ 親取 ☐ 郵寄至外國人工作地址 (請擇一勾選) Cách thức nhận kết quả hồ sơ: ☐ Đến lấy trực tiếp ☐ gửi bưu điện đến địa chỉ làm việc của người nước ngoài (hãy chọn một ô) 本人聲明本申請案所填寫資料及檢附文件等均屬實，如有虛偽，願負法律上之一切責任。 Tôi xin cam đoan tất cả thông tin đã điền trên tờ đơn này và giấy tờ kèm theo đơn đều đúng sự thật, nếu sai, tôi sẵn sàng chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật. 外國人簽名： Chữ ký người nước ngoài									

外國人填寫欄位 ột điền thông tin người nước ngoài									
雇主統一編號									
Mã số doanh nghiệp của chủ sử dụng lao động									
登記地址 (有附則免填) Địa chỉ đăng ký tổ chức (đã đính kèm thì không cần điền)	☐ ☐ ☐ 縣 鄉鎮 路 段 巷 弄 號 樓 (郵遞區號) 市 市區 街 ☐ ☐ ☐ (mã bưu điện) huyện/ thị xã thị trấn đường đoạn ngõ ngách số tầng county thành phố khu phố								
法人基本資料(有附則免填，填表說明注意事項四) Thông tin cơ bản pháp nhân (đã đính kèm thì không cần điền, xem tại mục chú ý 4)	負責人姓名 Họ tên người phụ trách 身分證字號 Số chứng minh thư								
審查費收據(有附則免填，填表說明注意事項五) Biên lai phí thẩm tra (nếu đã đính kèm thì không cần điền, xem tại mục chú ý 5)	繳費日期 Ngày nộp phí	年 月 日 Ngày/ tháng /năm	郵局局號(6碼) Mã bưu điện(6 chữ số)						
招募許可函文號(有附則免填，填表說明注意事項六) Mã số giấy phép tuyển mộ (nếu đã đính kèm thì không cần điền, xem tại mục chú ý 6)									
入國引進許可函文號(有附則免填，填表說明注意事項六) Mã số giấy phép nhập cảnh (nếu đã đính kèm thì không cần									

(以下虛線範圍為機關收文專用區) (Phạm vi đường kẻ đứt đoạn là mục dành riêng cho cơ quan nhận hồ sơ)

收文章 Dấu nhận hồ

收文號 Mã nhận hồ sơ :

sơ :

填表說明注意事項：

Nội dung chú ý khi điền đơn

一、相關法規及申請程序，請依照本機關網站所載最新規定辦理。

1. Về những quy định pháp luật liên quan và trình tự xin, xin hãy thực hiện theo quy định mới nhất trên Website của cơ quan này.

二、新任外國人請填護照號碼，倘非首次來臺受聘且有護照號碼異動之情事，應立即向內政部移民署辦理居留資料異動事宜。

2. Người nước ngoài hãy điền số hộ chiếu, nếu không phải lần đầu tiên sang Đài Loan làm việc và đã thay đổi số hộ chiếu, cần lập tức làm thủ tục thay đổi thông tin cư trú tại Sở Di Dân Bộ Nội Chính.

三、新任外國人行動電話必填，且不得與雇主或委任私立就業服務機構電話相同，未填寫者，將退請補正確認；電子郵件須勾選「有」或「無」，未勾選者，將退請補正確認，若勾選「有」，請確實填寫且不得與雇主或委任私立就業服務機構電子郵件相同。

3. Bắt buộc phải điền số điện thoại di động của người nước ngoài, và không được giống với số điện thoại của chủ sử dụng lao động hoặc cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân đã ủy thác, trường hợp không điền, sẽ bị trả lại để bổ sung xác nhận; Hòm thư email cần chọn "có" hoặc "không", trường hợp chưa chọn sẽ trả lại để bổ sung xác nhận; nếu chọn "có" hãy điền đúng email và không được giống với email của chủ sử dụng lao động hoặc email của cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân đã ủy thác.

四、法人基本資料：指由法人申請設立之機構，負責人需填列法人登記證書所列代表法人之董事。

5. Thông tin cơ bản pháp nhân: chỉ tổ chức do pháp nhân xin thành lập, người phụ trách cần điền giám đốc người đại diện pháp nhân ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký pháp nhân.

五、審查費(公立就業服務機構：100 元，雙方或三方合意：200 元)收據：分為電腦收據(白色)及臨櫃繳款收據(綠色或藍色)2 種，填寫如下：

6. Biên lai chi phí thẩm tra : (tổ chức dịch vụ việc làm công lập: 100 Đài tệ, hai bên hoặc 3 bên đồng ý: 200 Đài tệ): bao gồm 2 loại là biên lai điện tử (màu trắng) và biên lai nộp tiền tại quầy (màu xanh), điền như sau:

(1) 電腦收據(各郵局開具之白色收據)：

Biên lai điện tử (biên lai màu trắng được kê tại các bưu điện

範例 00002660 110/06/11 16:46:33 00002660 110/06/11

Ví dụ: 00002660 110/06/11 16:46:33

00002660 110/06/11

劃撥收據號碼(8 碼)
Số biên lai (8 chữ số)

003110

繳費日期
Ngày nộp phí

郵局局號 Mã bưu điện

填寫 繳費日期：110 年 6 月 11 日，郵局局號：003110，劃撥收據號碼(8 碼)：00002660

Điền ngày nộp phí: Trung Hoa Dân Quốc năm 110 tháng 6 ngày 11, Mã bưu chính : 003110, số biên lai (8 chữ số): 00002660

(2) 臨櫃繳款收據(郵局派本機關駐點開具之綠色或藍色收據)：

Biên lai nộp tiền tại quầy (biên lai màu xanh lá cây hoặc xanh lam do bưu điện kê)

範例 右上角 B-5103097，經辦局章戳

局號 Mã bưu điện	000100-6
110.06.11	

Ví dụ: Góc trên bên phải B-5103097, con dấu bưu điện

填寫 交易序號(9 碼)：B-5103097，繳費日期：110 年 6 月 11 日，郵局局號：000100

Điền số giao dịch (9 chữ số): B-5103097, ngày nộp phí: Trung Hoa Dân Quốc năm 110 tháng 6 ngày 11, Mã bưu điện: 000100

六、許可函文號：範例 勞○○○字第 1100641633 號，填寫為 第 1100641633 號。

7. Mã số giấy phép: ví dụ 勞○○○字第 1100641633 號, hãy điền số 1100641633.

七、提前申請入國引進及遞補者需填寫前任外國人資料。

8. Trường hợp xin nhập cảnh trước và thay thế bổ sung cần điền thông tin người nước ngoài trước đây..
- 八、當地主管機關核發雇主接續聘僱外國人通報證明書(簡稱接續聘僱通報證明書)序號：範例 右上角 00000123456789 填寫為 00000123456789
9. Mã giấy chứng nhận thông báo tiếp nhận tuyển dụng lao động do cơ quan chủ quản địa phương cung cấp , ví dụ góc trên bên phải 00000123456789 thì điền là 00000123456789.
- 九、不同招募許可函引進之外國人，請分案申請接續聘僱許可。
10. Người nước ngoài nhập cảnh với giấy phép tuyển mộ khác nhau, xin hãy phân chia các trường hợp xin giấy phép tuyển dụng lao động.
- 十、申請文件除政府機關、醫療機構、學校或航空公司核發或開具之證明文件外，應加蓋申請人或公司及負責人印章。
10. Những giấy tờ cần nộp cần phải đóng dấu người làm đơn hoặc công ty và người phụ trách công ty ngoại trừ giấy tờ chứng nhận do cơ quan chính phủ, cơ sở y tế, trường học hoặc công ty hàng không cấp hoặc phát hành.
- 十一、雇主於申請聘僱許可前應為外國人向入出國管理機關申請居留，經本部查明未申請居留，應於通知補正期限內完成居留申請。
11. Trước khi nộp đơn xin giấy phép lao động, người sử dụng lao động phải nộp đơn xin cấp phép cư trú cho người nước ngoài tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, nếu Bộ xác minh chưa nộp đơn xin cấp phép cư trú, phải hoàn tất đơn xin cấp phép cư trú trong thời hạn bổ sung được thông báo.